| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ PHỦ LÝ**<br>**TỈNH HÀ NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2018/HNGĐ - ST.
Ngày 30/3/2018.
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Duy.
*CácHội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Trần Thị Hoa.
***- Thư ký phiên tòa****:* Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*** *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.
Nơi ĐKNKTT: tổ 3, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
Địa chỉ: xóm 5, thôn Q, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.
Địa chỉ: tổ 3, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
( Phiên toà có mặt chị H, anh T).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có quan điểm:

Chị và anh Nguyễn Văn T lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu nhau được 01 năm thì đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2004 tại UBND xã T, huyện D (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn của vợ chồng chị cũng được gia đình hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương hai bên. Sau kết hôn vợ chồng chị chung sống tại Nghệ An quê anh T đến năm 2009 thì chuyển ra thành phố P sinh sống. Nhìn chung cuộc sống chung của chị và anh T cũng được mấy năm đầu hoà thuận nhưng sau đó thì đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách sống. Bản thân anh T tính tình thô lỗ, cọc cằn và không chịu làm ăn, còn ham chơi với bạn bè, đánh lô đề. Mâu thuẫn của vợ chồng chị xảy ra thường xuyên nhưng trầm trọng nhất vào đầu năm 2017 vì anh T đã có hành vi đánh đập chị. Do vợ chồng chị mâu thuẫn thường xuyên và luôn căng thẳng nên tháng 6 năm 2017 chị đã phải cho 02 con chị về nhà mẹ đẻ chị ở thôn Q, xã T sinh sống và vợ chồng chị

sống ly thân nhau cho đến nay. Thời gian sống ly thân thì mỗi người ở một nơi không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, tình cảm chị dành cho anh T không còn nữa vì mục đích hôn nhân của chị để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được và do mâu thuẫn đã quá trầm trọng. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

* Tại bản tự khai, hoà giải tại Toà án anh Nguyễn Văn T có quan điểm:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị H khai là đúng. Anh cũng công nhận là lý do chị H đưa ra việc anh tính tình thô lỗ, cọc cằn nhưng vì bản thân anh là người Nghệ An có đôi lúc nặng lời với vợ nhưng khi xong việc anh vẫn tình cảm với vợ, còn việc anh chơi lô đề thì khi anh chuyển sang công ty mới làm việc thì anh cũng không chơi nữa và anh hứa sẽ sửa chữa. Do vậy, chị H xin ly hôn thì anh xin đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con chung, cho các con anh có đủ bố mẹ.

Về con: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 29/12/2006 (con trai) và Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 21/7/2016 (con gái). Hiện nay, cả 02 cháu đang ở với chị H do chị H nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Nếu ly hôn cả chị H và anh T đều có nguyện vọng xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị H không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc A: Hiện nay cháu đang học lớp 6 trường Tiểu học T và cháu đang ở với mẹ cùng em cháu nên nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin ở với mẹ cháu.

* Tại phiên toà hôm nay:

+ Chị H có quan điểm: Về hôn nhân chị vẫn xin ly hôn với anh T. Về con chung: Chị vẫn xin được nuôi 02 con chung Nguyễn Quốc A, Nguyễn Thị Ngọc C và chị đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị mỗi tháng là 2.000.000đ cho mỗi cháu. Hiện nay công việc của chị làm hành chính tại Công ty TNHH Kalbas Việt Nam ở khu Công nghiệp Đồng Văn lương thu nhập ổn định mỗi tháng là gần 9.000.000đ. Ngoài ra khi chị đi làm thì chị có sự hỗ trợ của mẹ đẻ chị trông con cho chị và chị cùng các con chị đang ở nhà mẹ đẻ chị ở thôn Q, xã T nên chị có đủ điều kiện để nuôi dạy 02 con chung. Các vấn đề khác chị không đề nghị giải quyết.

+ Anh T có quan điểm: Về hôn nhân anh vẫn không đồng ý ly hôn với chị H và anh anh xin đoàn tụ vợ chồng để cùng nuôi dạy con chung. Về con chung: Nếu vợ chồng anh phải ly hôn thì anh xin được nuôi một trong hai con chung Nguyễn Quốc A, Nguyễn Thị Ngọc C là cháu nào cũng được và anh không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung vì anh cũng có việc làm ổn định tại Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Tân Kim Phát thu nhập mỗi tháng bình quân là 10.000.000đ. Về tài sản chung và công nợ chung anh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H với anh T. Xử ly hôn giữa chị H với anh T.

2/ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao anh T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc A và giao chị H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2004 tại UBND xã T, huyện D (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng chị H, anh T cũng có những năm đầu chung sống hoà thuận nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không còn hợp nhau về quan điểm sống, cách sống được hai bên công khai thừa nhận. Nguyện vọng của anh T lại xin đoàn tụ vợ chồng để cho các con anh có đủ bố mẹ nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn lại mối quan hệ của vợ chồng vì quá trình vợ chồng sống ly thân chị H vẫn ở nhà mẹ đẻ ở thôn Q, xã T, còn anh T ở tổ 3, phường L và hai bên

không hề quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay Tòa án và Hội đồng xét xử đã phân tích, khuyên chị H về đoàn tụ với anh T để cùng nuôi dạy con chung nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Điều đó chứng tỏ vợ chồng anh chị không đồng cảm cùng cách nghĩ, không còn tiếng nói chung nữa. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 29/12/2006 (con trai) và Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 21/7/2016 (con gái). Xét nguyện vọng của chị H, anh T về việc xin nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc A. Hội đồng xét xử thấy: nguyện vọng muốn nuôi con chung của anh chị đều chính đáng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của cha mẹ với con cái và cả hai bên anh chị đều có việc làm và thu nhập ổn định. Tại phiên tòa, chị H vẫn có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 con chung Nguyễn Quốc A, Nguyễn Thị Ngọc C nhưng lại cần sự cấp dưỡng nuôi con từ phía anh T mỗi tháng là 2.000.000đ cho mỗi cháu. Mặc dù, cháu Nguyễn Quốc A có nguyện vọng xin ở với mẹ (chị H) nhưng theo quy định của pháp luật thì cha mẹ đều có quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung mà cháu Quốc A lớn hơn lại là con trai, còn cháu Ngọc C là con gái còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó, cần giao cho anh T nuôi cháu Nguyễn Quốc A, giao chị H nuôi cháu Nguyễn Ngọc C và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Con nuôi, con riêng: vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi trước phiên tòa cả chị H và anh T đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung và công nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng anh nhưng anh không có đơn và tài liệu chứng cứ gì nộp cả. Do đó, Hội đồng xét xử dành cho anh T quyền khởi kiện về tài sản chung và công nợ chung ở một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 143; điều 144; điều 147; điều 227; điều 271; điều 273; điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 29/12/2006 (con trai). Giao chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sócvà giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 21/7/2016 (con gái). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị H được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000812 ngày 04/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị H, anh T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký)**

**Phạm Duy**